

Số: **58** /2021/TT-BQPHà Nội, ngày **07** tháng **6** năm 2021**THÔNG TƯ**

Hướng dẫn thực hiện quy định về thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn đọng trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế

Căn cứ Nghị quyết số 132/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn đọng trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 26/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 132/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn đọng trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 164/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện quy định về thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn đọng trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn xây dựng phương án sử dụng đất; phương án xử lý dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết đã thực hiện; quản lý tài chính từ đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế; trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quân đội trong tổ chức thực hiện Nghị định số 26/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 132/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn đọng trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế (sau đây viết gọn là Nghị định số 26/2021/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đơn vị quân đội, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Quân đội nhân dân (sau đây gọi là đơn vị).

2. Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ trực tiếp làm nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, an ninh (sau đây gọi là doanh nghiệp quân đội).

3. Tổ chức, cá nhân được tiếp tục sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 132/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn đọng trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế (sau đây viết gọn là Nghị quyết số 132/2020/QH14).

4. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Các trường hợp không phải nộp tiền sử dụng đất hằng năm

Đơn vị (trừ trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư) sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế bằng nguồn lực của đơn vị theo các trường hợp quy định tại Điều 4 Nghị định số 26/2021/NĐ-CP đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sử dụng đất.

Điều 4. Các trường hợp phải nộp tiền sử dụng đất, thuê đất hằng năm

1. Đơn vị tiếp tục thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết theo phương án xử lý được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt và không thuộc trường hợp quy định tại Điều 3 Thông tư này.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư (sau đây viết gọn là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo) sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế theo phương án sử dụng đất được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt.

3. Doanh nghiệp quân đội sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế theo phương án xử lý hoặc phương án sử dụng đất được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt; doanh nghiệp quân đội thuộc danh mục cổ phần hóa, thoái vốn được tiếp tục sử dụng đất quốc phòng theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 7 Nghị quyết số 132/2020/QH14.

4. Công ty có cổ phần, vốn góp của Nhà nước do Bộ Quốc phòng cử Người đại diện, công ty cổ phần đang sử dụng đất quốc phòng theo hợp đồng thuê đất, hợp đồng sử dụng đất đã ký với Bộ Quốc phòng trước ngày có hiệu lực của Nghị quyết số 132/2020/QH14, tiếp tục nộp tiền sử dụng đất hằng năm theo hợp đồng đã ký và theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Nghị quyết số 132/2020/QH14.

Chương II

XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT QUỐC PHÒNG KẾT HỢP VỚI HOẠT ĐỘNG LAO ĐỘNG SẢN XUẤT, XÂY DỰNG KINH TẾ

Điều 5. Phương án sử dụng đất không phải nộp tiền sử dụng đất hằng năm

Việc xây dựng phương án sử dụng đất không phải nộp tiền sử dụng đất hằng năm thực hiện như sau:

1. Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng chỉ đạo các cơ quan, đơn vị đầu mối thuộc quyền rà soát, xác định diện tích đất quốc phòng sử dụng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế không phải nộp tiền sử dụng đất hằng

năm, lập hồ sơ phương án sử dụng đất theo quy định tại Điều 7 Thông tư này báo cáo về đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng để tổng hợp.

Trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 26/2021/NĐ-CP, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng phê duyệt phương án sử dụng đất, báo cáo về Bộ Quốc phòng.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày phê duyệt phương án sử dụng đất, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng gửi phương án đã được phê duyệt về Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng để tổng hợp, theo dõi.

2. Trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 Nghị định số 26/2021/NĐ-CP, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng lập Tờ trình theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 26/2021/NĐ-CP cùng hồ sơ phương án sử dụng đất gửi Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng tổ chức thẩm định, báo cáo Bộ Tổng Tham mưu cho ý kiến.

Căn cứ kết quả thẩm định phương án và ý kiến của Bộ Tổng Tham mưu, Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định phê duyệt.

Điều 6. Phương án sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất hằng năm

Việc xây dựng phương án sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất hằng năm được thực hiện như sau:

1. Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng chỉ đạo đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo thuộc quyền, doanh nghiệp quân đội được giao quản lý thực hiện rà soát, xác định diện tích đất quốc phòng sử dụng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế, lập hồ sơ phương án sử dụng đất của từng điểm đất theo quy định tại Điều 7 Thông tư này để tổng hợp, báo cáo.

Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng lập Tờ trình theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 26/2021/NĐ-CP cùng hồ sơ từng phương án sử dụng đất gửi Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng tổ chức thẩm định.

Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng chủ trì tổ chức thẩm định, báo cáo Bộ Tổng Tham mưu cho ý kiến, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, phê duyệt theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 26/2021/NĐ-CP.

2. Doanh nghiệp quân đội trực thuộc Bộ Quốc phòng rà soát, xác định diện tích đất quốc phòng đang sử dụng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế tại các đơn vị trực thuộc, doanh nghiệp thành viên, lập hồ sơ phương án sử dụng đất của từng điểm đất theo quy định tại Điều 7 Thông tư này để tổng hợp, báo cáo.

Doanh nghiệp trực thuộc Bộ Quốc phòng lập Tờ trình theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 26/2021/NĐ-CP cùng hồ sơ phương án sử dụng đất gửi Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng chủ trì tổ chức thẩm định.

Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng chủ trì tổ chức thẩm định, báo cáo Bộ Tổng Tham mưu cho ý kiến, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, phê duyệt theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 26/2021/NĐ-CP.

3. Diện tích đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế để xác định tiền sử dụng đất hằng năm không bao gồm diện tích đất của các công trình phúc lợi, bãi thử vũ khí, trường bắn, thao trường huấn luyện, diện tích trồng rừng, diện tích vườn hoa và cây cảnh.

4. Doanh thu từ nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, an ninh để xác định tiền sử dụng đất hằng năm bao gồm doanh thu từ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phục vụ nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, an ninh do cấp có thẩm quyền đặt hàng, giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp quân đội và đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo thực hiện theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 7. Hồ sơ, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế

1. Hồ sơ, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 26/2021/NĐ-CP.

2. Các hợp đồng sử dụng đất quốc phòng đã ký với doanh nghiệp quân đội trực tiếp làm nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, an ninh theo Thông tư số 06/2012/TT-BQP ngày 02 tháng 02 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định việc sử dụng đất quốc phòng tại doanh nghiệp quân đội, được thanh lý và thực hiện theo phương án sử dụng đất được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt theo quy định tại Nghị quyết số 132/2020/QH14, Nghị định số 26/2021/NĐ-CP và Thông tư này.

Chương III **PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ DỰ ÁN, HỢP ĐỒNG LIÊN DOANH,** **LIÊN KẾT ĐÃ THỰC HIỆN**

Điều 8. Phương án xử lý chấm dứt dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết

Việc xây dựng phương án xử lý chấm dứt dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết thực hiện như sau:

1. Đơn vị, doanh nghiệp quân đội trực thuộc Bộ Quốc phòng chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc quyền, doanh nghiệp quân đội được giao quản lý căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 26/2021/NĐ-CP thực hiện rà soát, xác định các dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết phải chấm dứt thực hiện để xây dựng kế hoạch và phương án xử lý chấm dứt, báo cáo.

2. Đơn vị, doanh nghiệp quân đội trực tiếp thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết chủ trì, phối hợp với tổ chức, cá nhân có liên quan lập hồ sơ phương án xử lý chấm dứt dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết báo cáo đơn vị, doanh nghiệp quân đội trực thuộc Bộ Quốc phòng xem xét theo quy định.

3. Đơn vị, doanh nghiệp quân đội trực thuộc Bộ Quốc phòng rà soát, lập Tờ trình theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 26/2021/NĐ-CP cùng hồ sơ từng phương án xử lý chấm dứt gửi Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng để chủ trì tổ chức thẩm định.

Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng chủ trì tổ chức thẩm định, báo cáo Bộ Tổng Tham mưu cho ý kiến, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, phê duyệt theo

Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định số 26/2021/NĐ-CP.

Điều 9. Phương án xử lý để tiếp tục thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết

Việc xây dựng phương án xử lý để tiếp tục thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết thực hiện như sau:

1. Đơn vị, doanh nghiệp quân đội trực thuộc Bộ Quốc phòng chỉ đạo các cơ quan, đơn vị đầu mối, doanh nghiệp thuộc quyền rà soát các dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết đã thực hiện

a) Trường hợp dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết không thuộc quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 26/2021/NĐ-CP, các đơn vị, doanh nghiệp quân đội chủ trì, phối hợp với tổ chức, cá nhân có liên quan lập hồ sơ phương án xử lý để tiếp tục thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết theo quy định;

b) Các dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết đã thực hiện bao gồm cả dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết đã ký kết theo Thông tư số 35/2009/TT-BQP ngày 20/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Quy chế quản lý, sử dụng đất quy hoạch cho mục đích quốc phòng chưa sử dụng ngay cho nhiệm vụ quốc phòng vào mục đích kinh tế (sau đây viết gọn là Thông tư số 35/2009/TT-BQP) các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thực hiện rà soát lại và lập phương án xử lý theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 132/2020/QH14, Nghị định số 26/2021/NĐ-CP và Thông tư này;

c) Trường hợp phương án đã được phê duyệt và hợp đồng liên doanh, liên kết đã ký kết theo Thông tư số 35/2009/TT-BQP, Thông tư số 55/2009/TT-BQP ngày 17/8/2009 của Bộ Quốc phòng ban hành Quy chế quản lý, sử dụng nguồn thu từ việc khai thác sử dụng đất quốc phòng vào mục đích kinh tế, nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất có quy định về phân phối thành quả lao động, kết quả đầu tư trên đất, đơn vị, doanh nghiệp thực hiện thỏa thuận lại với các bên có liên quan, nhưng không thấp hơn nghĩa vụ tài chính đã cam kết tại phương án, hợp đồng đã ký.

2. Đơn vị, doanh nghiệp quân đội trực thuộc Bộ Quốc phòng rà soát và gửi văn bản kèm theo hồ sơ từng phương án quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 26/2021/NĐ-CP đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất để xin ý kiến.

3. Đơn vị, doanh nghiệp quân đội trực thuộc Bộ Quốc phòng lập Tờ trình theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 26/2021/NĐ-CP cùng hồ sơ từng phương án và ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng để chủ trì tổ chức thẩm định, báo cáo.

Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng chủ trì tổ chức thẩm định, báo cáo Bộ Tổng Tham mưu cho ý kiến, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, phê duyệt theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định số 26/2021/NĐ-CP.

4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt phương án xử lý để tiếp tục thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết, đơn vị, doanh nghiệp quân đội trực tiếp thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết và tổ chức, cá nhân có liên quan hoàn thiện các thủ tục pháp lý bảo đảm phù hợp với nội dung phương án được phê duyệt, cụ thể: